|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ, KINH TẾ VÀ THỦY SẢN****KHOA:……………………………………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO** **NĂM HỌC 2017-2018**

Họ và tên giáo viên:.................................................................Khoa……………...........................................................................................................................

Cấp trình độ giảng dạy: .............................................. Nhiệm vụ được phân công giảng dạy (Lý thuyết, thực hành, tích hợp)....................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí và tiêu chuẩn** | **Nhà giáo tự đánh giá xếp loại** | **Khoa đánh giá, xếp loại** |
| ***Điểm đánh giá đạt được*** | ***Tỷ lệ %***  | ***Các minh chứng*** | ***Điểm đánh giá đạt được*** | ***Tỷ lệ %***  | ***Các minh chứng*** |
| **Tiêu chí 1 về Năng lực chuyên môn (20 điểm)** |   |   |   |   |   |   |
| ***- Tiêu chuẩn 1 về Trình độ chuyên môn ( tối đa là 12 điểm)*** |   |   |   |   |   |   |
| 1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết (08 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan; (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Đối với nhà giáo dạy thực hành (08 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương; (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| c) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp (12 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương; (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan; (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| e) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| ***- Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ*** (04 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| ***- Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học*** (04 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 2. Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng, tài liệu giảng dạy. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| **Tiêu chí 2 về Năng lực sư phạm (52 điểm)** |   |   |   |   |   |   |
| ***- Tiêu chuẩn 1 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy*** (04 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| ***- Tiêu chuẩn 2 về Chuẩn bị hoạt động giảng dạy*** (12 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 1. Lập được kế hoạch giảng dạy môn học, mô-đun được phân công trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo của cả khóa học. (02 điểm) |   |   |   |   |   |   |
| 2. Soạn giáo án theo quy định, thể hiện được các hoạt động dạy và học. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 3. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp cho các bài học của chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 4. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu thực hành cần thiết. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 5. Tự làm các thiết bị dạy học đơn giản để phục vụ giảng dạy. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 6. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 3 về Thực hiện hoạt động giảng dạy*** (08 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tổ chức dạy học phù hợp với ngành, nghề đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 3. Vận dụng, kết hợp các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 4. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 4 về Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Lựa chọn và thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với môn học, mô-đun được phân công giảng dạy. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định; sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 5 về Quản lý hồ sơ dạy học*** (04 điểm)  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học. (02 điểm)2. Bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 6 về Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo trình độ cao đẳng; chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 7 về Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục*** (08 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Xây dựng được kế hoạch giáo dục người học thông qua giảng dạy và qua các hoạt động khác. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 3. Vận dụng các hiểu biết về tâm lý, giáo dục vào thực hiện hoạt động giáo dục người học. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 4. Đánh giá kết quả các mặt rèn luyện đạo đức của người học theo quy định một cách chính xác, công bằng và có tác dụng giáo dục. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 8 về Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học và sử dụng hiệu quả các thông tin vào giáo dục, dạy học, quản lý người học. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Xây dựng môi trường giáo dục, học tập lành mạnh, thuận lợi, dân chủ, hợp tác. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 9 về Hoạt động xã hội*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phối hợp với gia đình người học và cộng đồng động viên, hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của người học; góp phần huy động các nguồn lực xã hội xây dựng, phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp nhằm phát triển cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cộng đồng; xây dựng phong trào học nghề lập nghiệp trong xã hội. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 3 về Năng lực phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học (16 điểm)** |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 1 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao*** (08 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa, tổ bộ môn. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Tham gia hội giảng các cấp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 4. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 2 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Hướng dẫn thực tập kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên giỏi các cấp. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| ***- Tiêu chuẩn 3 về Nghiên cứu khoa học*** (04 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học và công nghệ. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên. (02 điểm) |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm đánh giá**  |  |  |  |  |  |  |
| **Điểm quy đổi** |  |  |  |  |  |  |
| **Xếp loại** |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú:* ***Tỷ lệ %******của điểm đánh giá đạt được so với điểm đánh giá tối đa của mỗi tiêu chuẩn*** *(lấy đến 1 chữ số thập phân, không làm tròn)*

**Công thức tính điểm đánh giá quy đổi theo thang điểm 100**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm quy đổi (lấy phần nguyên) = | Tổng số điểm đánh giá đạt được x 100 |
| Tổng số điểm đánh giá tối đa |

**Xếp loại nhà giáo đạt chuẩn:**

**a) Loại C:** Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa;

**b) Loại B:** Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa;

**c) Loại A:** Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm đến 100 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn phải đạt từ 50% điểm đánh giá tối đa trở lên. Trong đó, điểm đánh giá của chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1 và chỉ số thứ nhất của Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2 đạt điểm đánh giá tối đa.

|  |  |
| --- | --- |
| *……….., ngày……. tháng…… năm……***Nhà giáo tự đánh giá***(Ký và ghi rõ họ, tên)* | *……….., ngày……. tháng…… năm……***Lãnh đạo khoa** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |